

Họ và tên học sinh: SBD: Lớp:

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Người xưa có câu nói rất hay: “Nước chảy không thôi, trục cửa không mọt.”⁽¹⁾

Nhà khoa học người Mỹ – Franklin từng nói câu tương tự: “Thói lười biếng cũng giống như gỉ sét, gây hại cho thân xác chúng ta hơn cả sự lao động vất vả. Chiếc chìa khóa thường xuyên dùng sẽ luôn sáng bóng”.

Để thấy rằng, mưu cầu an nhàn thật nguy hại. Bất luận ở hoàn cảnh nào, hễ ở trong trạng thái an nhàn, bất cứ lúc nào chúng ta cũng có khả năng bị nguy cơ xâm nhập, và chúng ta ngày càng trở nên an dật, yếu đuối, mất hết sức chống chọi. Chúng ta nên biết rằng sự cạnh tranh trong cuộc sống vốn rất khốc liệt và tàn nhẫn, chỉ những ai đã chuẩn bị đầy đủ mới có cơ hội sống sót.

Đừng để bản thân dừng quá lâu ở vùng dễ chịu, mà phải tìm cách đột phá khỏi nó. Hãy tự hỏi chính mình, bạn có yêu thích công việc đang làm hiện tại không? Điều gì khiến bạn bước vào sự an nhàn, đánh mất động lực, không chịu đột phá? Thế rồi căn cứ theo kì vọng và động cơ bản thân để đặt ra một mục tiêu phù hợp với dự định của mình. Một khi có mục tiêu rõ ràng, bạn sẽ tràn đầy động lực tiến bước về cái đích phía trước.

(Đừng chọn an nhàn khi còn trẻ, Tr 43- Cảnh Thiên, NXB Thế giới, 2019)

(1) Ngụ ý con người chăm chỉ hoạt động, làm lụng thì sẽ không bị lạc hậu, kém cỏi, mãi mòn đi.

Thực hiện các yêu cầu

Câu 1 (0,5đ): Xác định luận đề của văn bản.

Câu 2 (0,5đ): Tác giả đã chỉ ra những nguy hại nào của việc mưu cầu an nhàn khi còn trẻ?

Câu 3 (1,0đ): Xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Thói lười biếng cũng giống như gỉ sét, gây hại cho thân xác chúng ta hơn cả sự lao động vất vả”.

Câu 4 (1,0đ): Anh/Chị hiểu như thế nào câu văn: “Đừng để bản thân dừng quá lâu ở vùng dễ chịu, mà phải tìm cách đột phá khỏi nó”?

Câu 5 (1,0đ): Văn bản đã mang đến thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0đ)

Viết đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ, ±100 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề “tuổi trẻ cần chủ động bước ra khỏi vùng an toàn”.

Câu 2 (4,0đ)

Viết bài văn nghị luận văn học (khoảng 600 chữ, ±200 chữ), Cảm nhận của anh/chị về hình tượng người lính trong bài thơ *Màu hoa đỏ* của Nguyễn Đức Mậu.

MÀU HOA ĐỎ

(Nguyễn Đức Mậu)

Có người lính mùa thu ấy ra đi từ mái tranh nghèo	Việt Nam ơi Việt Nam
Có người lính mùa xuân ấy ra đi từ đó không về.	Núi cao như tình mẹ bốn mùa tóc bạc nổi thương con.
Dòng tên anh khắc vào đá núi	Việt Nam ơi Việt Nam
Mây ngàn hoá bóng cây che	Ngon núi nơi anh ngã xuống
Chiều biên cương trắng trời sương núi	Rực cháy lên màu hoa đỏ phía rừng xa
Mẹ già mỗi mắt nhìn theo	Rực cháy lên màu hoa đỏ trước hoàng hôn...

(*Thơ Việt Nam tìm tòi và cách tân 1975-2015*,
Nxb Hội Nhà văn, 2016, tr. 542)

Chú thích:

- **Nguyễn Đức Mậu** (sinh năm 1948) là một nhà thơ, nhà văn quân đội. Phần lớn trong gia tài thơ đồ sộ của mình, nhà thơ Nguyễn Đức Mậu viết về chiến tranh, người lính và tạo được dấu ấn riêng. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Thơ người ra trận* (1971), *Cây xanh đất lửa* (1973), *Áo trận* (1976), *Mưa trong rừng cháy* (1976),...

- **Tác phẩm “Màu hoa đỏ”** được sáng tác sau khi đất nước thống nhất, hòa bình lập lại (được nhạc sĩ Thuận yển phổ nhạc năm 1991).

-----HẾT-----

Học sinh không sử dụng tài liệu, giám thị không giải thích gì thêm

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Giám khảo nắm vững các yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm.
2. Giám khảo nên chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết sáng tạo, có cảm xúc trên cơ sở đáp ứng ý cơ bản.
3. Bài làm của học sinh phải đảm bảo đúng yêu cầu, diễn đạt có chất văn chương, ít mắc lỗi dùng từ, chính tả, ngữ pháp, dẫn chứng tiêu biểu

B. HƯỚNG DẪN CHẤM CỤ THỂ

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Luận đề của văn bản: Khuyên con người đừng lựa chọn, mưu cầu một cuộc sống an nhàn khi còn trẻ. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,5
	2	Mưu cầu an nhàn khi còn trẻ gây nguy hại: - Bất cứ lúc nào chúng ta cũng có khả năng bị nguy cơ xâm nhập, - Chúng ta ngày càng trở nên an dật, yếu đuối, mất hết sức chống chọi. <i>Hướng dẫn chấm:</i> + Học sinh trả lời được 2 ý của đáp án: 0,5 điểm. (HS có thể chép lại đoạn văn chứa ý trả lời) + Trả lời 1 ý : 0,25 điểm + Trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.	0,5
	3	- Biện pháp tu từ so sánh: <i>Thói lười biếng cũng giống như gỉ sét.</i> - Hiệu quả nghệ thuật: + Nhấn mạnh tác hại của thói lười biếng đối với con người, lười biếng giống như gỉ sét làm suy giảm sức khỏe và tinh thần, làm hư hại, bào mòn giá trị của mỗi con người. + Làm tăng tính cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh, dễ liên tưởng, tăng khả năng diễn đạt cho câu văn. Hình ảnh so sánh giúp vấn đề nghị luận thêm rõ ràng, dễ hiểu, giàu sức thuyết phục. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được biểu hiện phép tu từ: 0,25 điểm - Trả lời được tác dụng về mặt nghệ thuật: 0,25 điểm - Trả lời được tác dụng về mặt nội dung: 0,5 điểm HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.	1.0
	4	Câu văn “ <i>Đừng để bản thân dừng quá lâu ở vùng dễ chịu, mà phải tìm cách đột phá khỏi nó</i> ” được hiểu như sau: - “Vùng dễ chịu” là trạng thái an toàn, thoải mái, ít thử thách. Nếu ở đó quá lâu, con người sẽ mất động lực, trì trệ, không phát triển.	1.0

		- Cần “tìm cách đột phá” dám thay đổi, chủ động vượt ra khỏi giới hạn an toàn, đối mặt với khó khăn, thử thách để rèn luyện bản lĩnh, nâng cao năng lực, đạt được thành công và sống có ý nghĩa. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm - Chỉ trình bày 1 ý: 0,5 điểm <i>HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</i>	
	5	<i>HS có thể đưa ra những thông điệp khác nhau dựa trên nội dung, ý nghĩa của văn bản, miễn là phù hợp và có lí giải thuyết phục.</i> <i>Gợi ý:</i> - <i>Thông điệp:</i> Khi còn trẻ, đừng chọn an nhàn mà hãy nỗ lực học tập, làm việc, rèn luyện để phát triển bản thân. - <i>Giải thích:</i> Vì tuổi trẻ là giai đoạn quan trọng để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, hình thành năng lực và bản lĩnh. Nếu an nhàn, sẽ dễ tụt hậu, mất cơ hội thành công trong tương lai. - <i>Hướng dẫn chấm:</i> + Học sinh rút ra thông điệp và lí giải phù hợp: 1,0 điểm. + Học sinh trả lời sơ sài, chưa lí giải hợp lí: 0,5 điểm + Trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm. <i>Lưu ý: Học sinh có thể đưa ra những thông điệp khác và lí giải thuyết phục vẫn cho điểm tối đa.</i>	1.0
II		VIẾT	6,0
		Viết đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ, ±100 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề “tuổi trẻ cần chủ động bước ra khỏi vùng an toàn”.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: “tuổi trẻ cần chủ động bước ra khỏi vùng an toàn”.</i>	0,25
	1	<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Giải thích: + <i>Vùng an toàn</i> là môi trường quen thuộc, ít rủi ro, ở đó bạn cảm thấy không phải lo lắng hay cố gắng nhiều. + <i>Chủ động bước ra</i> tức là không chờ hoàn cảnh ép buộc, mà tự nguyện tìm cơ hội mới, học kỹ năng mới, thử sức ở lĩnh vực khó hơn, dù có thể gặp thất bại. - Sự cần thiết của việc chủ động bước ra khỏi vùng an toàn đối với thế hệ trẻ: + Bước ra khỏi vùng an toàn, các bạn trẻ có cơ hội trải nghiệm và khám phá thế giới, nâng cao nhận thức và tích lũy kinh nghiệm. + Thoát khỏi vùng an toàn để trang bị cho bản thân những kĩ năng, tâm thế để sẵn sàng đối diện với thử thách, rèn luyện bản thân mỗi ngày thêm mạnh mẽ, bản lĩnh hơn. Vì thế, con người cũng dễ chạm đến thành công hơn.	1,0

		+ Bước ra khỏi vùng an toàn giúp ta không bị động dưới sự sắp xếp của người lớn, dám chịu trách nhiệm trước mọi vấn đề, nhận rõ giá trị của bản thân. - Mở rộng: Những bạn trẻ cần cho bản thân cơ hội được thử sức, phá lớp “kén” của mình nhưng cũng cần sự hiểu biết, trí tuệ để nhận rõ bước ra khỏi vùng an toàn không đồng nghĩa với sự liều lĩnh, bất chấp để thay đổi. - Liên hệ, rút ra bài học <i>Hướng dẫn chấm</i> <i>HS có thể trình bày và diễn đạt giống đáp án hoặc tương tự, miễn là thuyết phục.</i> - Cho 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm. - Cho 0,5 điểm nếu viết được ý 1. - Cho 0,5 điểm nếu viết được ý 2&3 . - Trừ điểm mắc lỗi (diễn đạt lủng củng, sai chính tả, dùng từ và chấm câu sai, chữ viết cầu thả): trừ 0,5 điểm nếu đoạn văn mắc từ 5-7 lỗi; mắc từ 8-10 lỗi trừ 0,75 điểm; mắc trên 10 lỗi không cho vượt quá nửa số điểm cả câu.	
		d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ, ±200 chữ) Cảm nhận của anh/chị về hình tượng người lính trong bài thơ <i>Màu hoa đỏ</i> của Nguyễn Đức Mậu.	4,0
		a. Đảm bảo bố cục, dung lượng bài văn nghị luận Đảm bảo yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ, ±200 chữ) của bài văn..	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận Vấn đề nghị luận: Hình tượng người lính hiện lên giản dị mà cao cả, mang vẻ đẹp bi tráng và bất tử.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: 1. Mở bài: (0,25 điểm) Giới thiệu đề tài người lính trong thơ ca kháng chiến Việt Nam. Giới thiệu bài thơ <i>Màu hoa đỏ</i> của Nguyễn Đức Mậu. Nêu vấn đề: hình tượng người lính hiện lên giản dị mà cao cả, mang vẻ đẹp bi tráng và bất tử. 2. Thân bài 2.1. Xuất thân bình dị của người lính (0,5 điểm) Xuất thân từ “mái tranh nghèo” → con người đời thường. Ra đi khi tuổi trẻ đang độ đẹp nhất (“mùa thu”, “mùa xuân”). Cách gọi “có người lính” → hình tượng mang tính khái quát, tiêu biểu. → Người lính bình thường nhưng mang lí tưởng lớn lao. 2.2. Sự hi sinh thầm lặng và nỗi đau hậu phương (0,75 điểm)	2,5

	“Ra đi từ đó không về” → cái chết vĩnh viễn, lời thơ giản dị mà ám ảnh. Không miêu tả chiến trận → nhấn mạnh sự hi sinh lặng thầm. Hình ảnh mẹ già “mỏi mắt nhìn theo” → nỗi đau sâu lắng của tình mẫu tử. → Sự hi sinh của người lính gắn với mất mát của gia đình và dân tộc. 2.3. Sự hi sinh hóa thành vẻ đẹp bất tử (0,75 điểm) Người lính hòa vào thiên nhiên, đất nước: “Dòng tên anh khắc vào đá núi” Hình ảnh “màu hoa đỏ”: Biểu tượng cho máu, cho sự sống, cho lí tưởng cách mạng. Cái chết không bi lụy mà bi tráng, hóa thành ánh sáng bất diệt. → Người lính sống mãi trong lòng Tổ quốc. 3. Kết bài: (0,25 điểm) Khẳng định vẻ đẹp hình tượng người lính hi sinh: giản dị, thầm lặng, cao cả. Nêu giá trị nhân văn của bài thơ: lời tri ân sâu sắc với những người đã ngã xuống. Liên hệ: trách nhiệm của thế hệ hôm nay trong việc trân trọng hòa bình, sống xứng đáng với sự hi sinh ấy. <i>Hướng dẫn chấm</i> HS có thể trình bày và diễn đạt giống đáp án hoặc tương tự, miễn là thuyết phục. - Cho 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm. - Cho 0,5 điểm nếu mở bài và kết bài đúng yêu cầu. - Cho 0,5 điểm: làm rõ được yêu cầu 2.1. - Cho 0,75 điểm: làm rõ được yêu cầu 2.2. - Cho 0,75 điểm: nêu rõ được yêu cầu 2.3. - Trừ điểm mắc lỗi (diễn đạt lủng củng, sai chính tả, dùng từ và chấm câu sai, chữ viết cẩu thả): trừ 0,5 điểm nếu bài vẫn mắc từ 6-9 lỗi; trừ 1,0 điểm nếu mắc từ 10-13 lỗi; mắc trên 13 lỗi không cho vượt quá nửa số điểm cả câu.	
	d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm: Phần I = 4,0 + Phần II = 6,0		10,0

..... **HẾT**